

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 419/2020/HC-PT

Ngày: 14/12/2020.

V/v khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Bùi Xuân Trọng;

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Sơn;

Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 321/2020/TLPT-HC ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc “ Khởi kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 48/2019/HC-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 8803/2020/QĐPT-HC ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962; trú tại: xóm 3, xã N2, thành phố V, tỉnh N; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bị kiện: - Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh N;
- Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Thanh T - chức vụ: Phó Chủ tịch - theo Quyết định ủy quyền số 5438/QĐ-UBND và số 5439/QĐ - UBND ngày 13/9/201; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã N1, thành phố V, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức D; Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N1, thành phố V - theo Giấy ủy quyền ngày 01/11/2019; Vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã N2, thành phố V, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Văn T1 - chức vụ: Chủ tịch; Có văn bản về việc vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà Hồ Thị V, sinh năm 1968; trú tại: xóm 3, xã N2, thành phố V, tỉnh N; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện dự án Xây dựng trụ sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh N tại xã N1, thành phố V, tỉnh N, UBND thành phố V đã kiểm kê hiện trạng, thu hồi đất tại xã N1 và lập phương án bồi thường cho các gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án. Trong đó có hộ ông Nguyễn Văn H bị thu hồi 483 m² thuộc thửa số 86, tờ bản đồ số 10 tại xã N1, thành phố V, tỉnh N. UBND thành phố V, tỉnh N đã lập phương án bồi thường cho gia đình ông Nguyễn Văn H tổng số tiền 199.860.000đồng (Cụ thể, bồi thường về đất 41.055.000đ, hỗ trợ việc làm 82.110.000 đồng, hỗ trợ đời sống 35.640.000đ; hỗ trợ khác 41.055.000đ).

Do không đồng ý với việc thu hồi đất và phương án bồi thường về đất, ngày 10/6/2018, ông Nguyễn Văn H cùng đại diện 45 hộ dân ở xã N2 đã có đơn khởi kiện tập thể vụ án hành chính. Ngày 10/01/2019, ông Nguyễn Văn H làm đơn khởi kiện vụ án hành chính với nội dung yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 về việc thu hồi đất và Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư của UBND tỉnh N;

- Hủy Quyết định số 5474/QĐ-UBND và 5475/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND thành phố V, tỉnh N về việc thu hồi đất đối với gia đình ông Nguyễn Văn H;

- Hủy Quyết định cưỡng chế số 64/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 và Quyết định số 6430/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND thành phố V về việc cưỡng chế 54 hộ dân tại xóm 3 xã N2 để thu hồi đất xây dựng trụ sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh N tại xã N1, thành phố V.

- Hủy Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 31/01/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị V.

Đề nghị UBND thành phố V xem xét cấp cho gia đình ông Nguyễn Văn H đất hoặc chế độ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất của gia đình ông.

Quá trình làm việc vào ngày 12/6/2019, ông H vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, đề nghị Tòa án giữ nguyên tất cả các yêu cầu khởi kiện trong đơn đề ngày 10/01/2019.

Tại phiên tòa ông H rút yêu cầu hủy một phần Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 về việc thu hồi đất và Quyết định số 763/QĐ-UBND về

việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư của UBND tỉnh N và yêu cầu khởi kiện:

- Hủy bỏ một phần Quyết định số 5474/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND thành phố V, tỉnh N về việc thu hồi đất đối với gia đình ông Nguyễn Văn H;

- Hủy một phần Quyết định số 5475/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND thành phố V, tỉnh N về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường hỗ trợ, GPMB dự án: Xây dựng trụ sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh N tại xã N1, thành phố V, tỉnh N đối với gia đình ông Nguyễn Văn H;

- Hủy một phần Quyết định cưỡng chế số 6430/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của UBND thành phố V, tỉnh N về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông Nguyễn Văn H;

- Hủy Quyết định số 871/QĐ-UBND ngày 31/01/2018 của UBND N về việc giải quyết khiếu nại đối với gia đình ông H.

- Yêu cầu đền bù cho hộ ông H 82m² đất giao thông thủy lợi nội đồng, đất bằng chưa sử dụng và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần đời sống chính trị kinh tế xã hội và sức khỏe mỗi nhân khẩu 10 triệu đồng.

Lý do khởi kiện: Nguồn gốc thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn H sử dụng là do cha ông để lại, sau đó đưa vào Hợp tác xã H1 để sản xuất nông nghiệp từ lâu. Đất của gia đình ông từ xưa đến nay đều thuộc UBND xã N2 quản lý. Nay Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án xây dựng trụ sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh N nhưng chỉ bồi thường cho gia đình ông số tiền 170 triệu đồng/sào là quá thấp trong khi các dự án khác trên cùng địa bàn xã N2 bồi thường cho người dân với mức giá cao hơn. Ông H còn cho rằng quá trình thu hồi và bồi thường, hỗ trợ tái định cư, UBND thành phố V không thực hiện việc kiểm kê, kiểm đếm diện tích đất cho từng hộ dân; Xây dựng đơn giá thấp, không phù hợp, xác định các hệ số hỗ trợ không chính xác, không công bằng gây thiệt hại cho các hộ dân, UBND xã N1 chỉ quản lý trên bản đồ, áp dụng giá bồi thường theo xã N1 là không đúng mà phải áp dụng giá bồi thường theo các dự án trên địa bàn xã N2.

Đại diện người bị kiện vắng mặt nhưng đã có tài liệu trình bày: Dự án xây dựng trụ sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh N được Bộ Công an phê duyệt tại Quyết định số 4346/QĐ-BCA-H41 ngày 02/7/2015 về phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng, đã được UBND tỉnh N đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2016, 2017. Căn cứ vào Điều 61, 63 Luật đất đai năm 2013 thì dự án này là dự án Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng - an ninh nên việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng được lập theo chế độ, chính sách Nhà nước không thuộc trường hợp thỏa thuận giá cả bồi thường khi thu hồi đất. UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 5474/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 về việc thu hồi đất tại xã N1 để thực hiện dự án xây dựng Trụ sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh N và Quyết định số 6844/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 sửa đổi bổ sung nội dung của Quyết định số 5474/QĐ-UBND ngày 17/8/2017.

Căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật đất đai, điểm đ khoản 4, Điều 114 Luật đất đai, khoản 2, Điều 15 Nghị định số 44/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì giá đất cụ thể được bồi thường do UBND tỉnh ban hành tại thời điểm thu hồi đất. Ngày 10/9/2015, UBND tỉnh N ban hành Quyết định số 606/QĐ-UBND.ĐC về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng trụ sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh N tại xã N1, thành phố V và ngày 20/7/2017, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 4544/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án. Ngày 17/8/2017, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 5475/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện dự án xây dựng trụ sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh N tại xã N1, thành phố V.

Sau khi phương án được duyệt, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V đã tổ chức chi trả tiền cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định, trong đó có hộ ông H nhưng ông H không nhận tiền, không bàn giao mặt bằng. Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc hai xã N1, N2 đã cùng với Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V tổ chức các phiên họp để vận động, thuyết phục nhưng các hộ không thống nhất bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án. Vì vậy, Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 6430/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 cưỡng chế thu hồi đất là đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Do không đồng ý với phương án bồi thường và cưỡng chế thu hồi đất, gia đình ông Nguyễn Văn H đã có đơn khiếu nại.

Quy trình giải quyết khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố V đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc UBND thành phố V thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tiến hành cưỡng chế thu hồi đất và giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị V là đúng quy định. Vì vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H.

Đại diện UBND xã N1, thành phố V có đơn trình bày: Theo Bản đồ 299 năm 1985, Bản đồ địa giới hành chính theo Chỉ thị 364-CT ngày 06/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng và Bản đồ địa chính qua các thời kỳ đều thể hiện các thửa đất bị thu hồi để thực hiện dự án xây dựng Trụ sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy (trong đó có hộ ông Nguyễn Văn H) đều thuộc địa giới hành chính do UBND xã N1, thành phố V quản lý. Thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn H bị thu hồi 483m² thuộc thửa số 86, tờ bản đồ số 10 tại xã N1, thành phố V, tỉnh N; loại đất nông nghiệp giao khoán ổn định cho hộ gia đình, cá nhân (viết tắt là BHK) có nguồn gốc do xã viên Hợp tác xã H1 xâm canh và sau đó Hợp tác xã giao khoán cho hộ ông Nguyễn Văn K sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp từ trước ngày 15/10/1993, không có tranh chấp, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện UBND xã N2, thành phố V có đơn trình bày: Về dự án xây dựng trụ sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy được đầu tư xây dựng trên đất thuộc xóm 13, 14 xã N1, không thuộc địa giới quản lý hành chính của xã N2. UBND

xã N2 không có thẩm quyền xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của các hộ bị thu hồi đất để thực hiện dự án này. UBND xã N2 không có bất cứ một loại hồ sơ, tài liệu nào liên quan đến khu đất trên lưu giữ tại UBND xã N2 (Bản đồ 1993, Bản đồ 2001 đều nằm địa giới đất thuộc xã N1).

Bản án hành chính sơ thẩm số: 48/2019/HC-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N đã căn cứ khoản 1 Điều 30; Khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính; Căn cứ khoản 1 Điều 61, Điều 63, khoản 2 Điều 66, khoản 4 Điều 67, Điều 69, Điều 71, khoản 2 Điều 74, Điều 75, khoản 2 Điều 77, Điều 83, Điều 204 Luật đất đai năm 2013; Điều 19, 20, 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Quyết định số 606/QĐ-UBND.ĐC ngày 10/9/2015 và Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh N, xử:

Đình chỉ đối với các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về hủy một phần các Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 về việc thu hồi đất và một phần Quyết định số 763/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND tỉnh N về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và yêu cầu hỗ trợ tái định cư; một phần Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 06/01/2017 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về hủy:

- Một phần Quyết định số 5474/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND thành phố V, tỉnh N về việc thu hồi đất tại xã N1 để thực hiện Dự án xây trụ sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh N tại xã N1, thành phố V và Quyết định số 6844/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 của UBND thành phố V về sửa đổi bổ sung một số nội dung Quyết định số 5474/QĐ-UBND đối với gia đình ông Nguyễn Văn H;

- Một phần Quyết định số 5475/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND thành phố V, tỉnh N về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng trụ sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh N tại xã N1, thành phố V, tỉnh N đối với gia đình ông Nguyễn Văn H;

- Một phần Quyết định số 6430/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh N về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông Nguyễn Văn H;

- Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 31/01/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị V;

- Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần, chính trị, kinh tế xã hội và sức khỏe mỗi nhân khẩu 10 triệu đồng;

- Yêu cầu bồi thường cho hộ ông Nguyễn Văn H 82m² đất giao thông thủy lợi nội đồng. Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 12/12/2019, ông Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa: Quá trình kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay thấy rằng Thẩm phán, HĐXX, Thư ký được phân công nghiên cứu giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đề nghị HĐXX tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, không có cơ sở để chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông H. Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H là đúng và quyền, lợi ích hợp pháp của ông H vẫn được đảm bảo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội áp dụng Khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2019/HC-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng Hành chính, thu thập tài liệu chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, đối thoại và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Người khởi kiện và người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã N2, thành phố V, tỉnh N không có mặt trong các buổi làm việc và xét xử tại Tòa án mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. UBND xã N1 đã có ý kiến trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015 xử vắng mặt các đương sự.

Ngày 26/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh N xét xử sơ thẩm và ban hành Bản án số 48/2019/HC-ST. Ngày 05/12/2019, TAND tỉnh N nhận được đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn H. Theo quy định tại Điều 204, 205, 206 Luật tố tụng hành chính, đơn kháng cáo hợp lệ, trong hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử thấy như sau: Thực hiện Dự án xây dựng trụ sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh N nên gia đình ông H bị thu hồi diện tích 483m² đất thuộc thửa số 86, tờ bản đồ số 10 tại xã N1, thành phố V, tỉnh N. Khi thu hồi, UBND thành phố V đã ban hành các Quyết định số 5474, 6844, 5475 về quyết định thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng. Theo đó gia đình ông H được bồi thường tổng số tiền 199.860.000 đồng (cụ thể: bồi thường về đất là 41.055.000 đồng, hỗ trợ đời sống là 35.640.000 đồng, hỗ trợ việc làm 82.110.000 đồng, hỗ trợ khác 41.055.000 đồng). Ông H không đồng ý giá bồi thường trên, cho rằng bồi thường như thế là thấp so với các dự án khác trên địa bàn. Tuy nhiên, xét thấy:

Dự án xây dựng trụ sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy là dự án nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng - an ninh đã được Bộ công an phê duyệt và UBND tỉnh N thống nhất quy hoạch. Theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật đất đai thì UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất. Khi thực hiện thu hồi đất, UBND thành phố V đã thông báo cho các hộ có đất bị thu hồi, họp phổ biến đến người dân, thông báo trên truyền thanh, niêm yết tại trụ sở của UBND xã, nhà văn hóa nơi có đất bị thu hồi. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã lập, thẩm định phương án bồi thường, tổ chức lấy ý kiến người dân. Các hộ dân có đất bị thu hồi đã có bản tự khai đất và tài sản trên đất; Trung tâm phát triển quỹ đất cùng UBND xã N1, Hợp tác xã H1 và chủ đầu tư tiến hành kiểm tra hiện trạng thửa đất thu hồi của gia đình ông H. Như vậy, việc UBND thành phố V ban hành Quyết định 5474/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 về việc thu hồi đất của hộ ông H là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và có căn cứ.

Dự án xây dựng trụ sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy là dự án Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng - an ninh nên việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng sẽ được lập theo chế độ, chính sách quy định của nhà nước tại thời điểm thu hồi, không thuộc trường hợp được thỏa thuận giá cả bồi thường khi thu hồi đất như các dự án khác. Thửa đất bị thu hồi của gia đình ông H có nguồn gốc do Hợp tác xã H1 giao khoán, sử dụng ổn định trước năm 1993 và không có tranh chấp nên thuộc diện khi thu hồi sẽ được bồi thường về đất theo Luật đất đai. Theo bản đồ địa giới hành chính, bản đồ 299 và bản đồ địa chính qua các thời kỳ thì thửa đất trên thuộc địa giới hành chính do UBND xã N1 quản lý. Do vậy khi nhà nước thu hồi sẽ áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng được UBND tỉnh quy định đối với đất thuộc địa bàn xã N1. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 114; khoản 2 Điều 74 Luật đất đai; Khoản 2 Điều 15 Nghị định 44/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, UBND tỉnh N đã ban hành Quyết định số 606/QĐ-UBND ngày 10/9/2015 quy định mức giá bồi thường khi thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng trụ sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tại xã N1 là 85.000đồng/m² (trong đó có thửa đất của hộ ông H), quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2019; Theo đó ngày 20/7/2017, UBND thành phố V cũng đã ban hành Quyết định số 4544/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất để bồi thường khi nhà nước thu hồi thực hiện dự án đối với diện tích đất thu hồi tại

tờ bản đồ số 10, xã N1 là 85.000 đồng/m². Ngoài việc bồi thường về đất theo quy định của luật đất đai thì hộ ông H còn được xem xét hỗ trợ các khoản khác theo “Quy định về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh N” ban hành kèm theo Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND tỉnh N; Theo đó hộ ông H còn được hỗ trợ khoản chuyển đổi nghề nghiệp bằng tiền, mức hỗ trợ bằng 2 lần giá đất nông nghiệp (85.000 x2 = 170.000 đồng/m²); khoản hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp và khoản hỗ trợ thêm một lần về giá đất nông nghiệp. Như vậy, với phương án bồi thường được phê duyệt tại Quyết định 5475/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND thành phố V đối với hộ ông H đã đảm bảo có căn cứ và đúng các quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận mức giá bồi thường là 750.000.000 đồng/500m² như yêu cầu khởi kiện của ông H.

Sau khi ban hành các Quyết định 5474/QĐ-UBND, 5475/QĐ-UBND về thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường trên, các cơ quan đơn vị chức năng đã tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ dân nhận tiền bồi thường. Do một số hộ (trong đó có hộ ông H) không chấp hành Quyết định thu hồi đất, không nhận tiền bồi thường nên ngày 26/9/2017 UBND thành phố V đã ban hành Quyết định 6430/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất là có căn cứ, đúng quy định khoản 4 Điều 67, khoản 3 Điều 69 Luật đất đai.

Do nội dung, Quyết định giải quyết khiếu nại số 867/QĐ-UBND ngày 31/01/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V được ban hành dựa trên các nội dung của Quyết định số 5474/QĐ-UBND, 5475/QĐ-UBND và Quyết định số 6430/QĐ-UBND nói trên nên đảm bảo về trình tự, thủ tục và nội dung xác định nội dung khiếu nại của ông H là khiếu nại sai và không có cơ sở giải quyết là có căn cứ. Các Quyết định này cũng không gây thiệt hại cho gia đình ông H. Ông H yêu cầu đền bù cho gia đình ông 82m² đất giao thông nội đồng tuy nhiên đất giao thông thủy lợi nội đồng là đất thuộc UBND xã quản lý nên khi nhà nước thu hồi không thuộc trường hợp được bồi thường về đất.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 5474/QĐ-UBND ngày 17/8/2017, Quyết định số 6844/QĐ-UBND ngày 12/10/2017, Quyết định số 5474/QĐ-UBND đối với gia đình ông Nguyễn Văn H; một phần Quyết định số 5475/QĐ-UBND ngày 17/8/2017 của UBND thành phố V, tỉnh N về việc phê duyệt phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng Dự án xây dựng trụ sở Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh N tại xã N1, thành phố V, tỉnh N đối với gia đình ông Nguyễn Văn H; một phần Quyết định số 6430/QĐ-UBND ngày 26/9/2017 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh N về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông Nguyễn Văn H; Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 31/01/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh N về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H và bà Hồ Thị V, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tinh thần, chính trị, kinh tế xã hội và sức khỏe mỗi nhân khẩu 10 triệu đồng; yêu cầu bồi thường cho hộ ông Nguyễn Văn H 82 m² đất giao thông thủy lợi nội đồng là có căn cứ.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H.

[4] Về án phí: Kháng cáo của ông H không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí Hành chính phúc thẩm;

[5] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo; không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn H; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 48/2019/HC-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N;

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm mà ông H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0003193 ngày 17/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh N;

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Cục THADS tỉnh N;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Xuân Trọng